

Số: 610 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Dược sĩ chuyên khoa cấp I đợt tháng 5 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/09/1961 về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 224/TTg ngày 24/5/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước;

Căn cứ Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I ban hành theo Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết số 497/QĐ-DHN ngày 26/4/2018 về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II đợt tháng 5 năm 2018;

Căn cứ Công văn số 454/K2ĐT-SĐH ngày 18/5/2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo Bộ Y tế về việc công nhận tốt nghiệp CKI, CKII đợt tháng 5 năm 2018 của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Dược sĩ chuyên khoa cấp I cho 105 học viên Dược sĩ chuyên khoa cấp I K19 (2015), Hệ tập trung theo tín chỉ thuộc 02 chuyên ngành trong danh sách kèm theo Quyết định này gồm:

- | | |
|------------------------|-------------|
| -Dược lý-Dược lâm sàng | 50 học viên |
| -Tổ chức quản lý dược | 55 học viên |

Điều 2. Học viên tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I, được giao nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi do Nhà nước qui định đối với người có trình độ Dược sĩ chuyên khoa cấp I kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Các ông/bà Trường phòng Sau đại học, Tài chính kế toán, đơn vị có liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ht*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c)
- Lưu: VT, SĐH.



Nguyễn Thanh Bình

**DANH SÁCH HỌC VIÊN KHÓA 19 (2015) TỐT NGHIỆP
ĐƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I THÁNG 5/2018**

(Kèm theo QĐ số: 610/QĐ-DHN ngày 22 tháng 5 năm 2018)

Chuyên ngành: **DL-DLS; Tổ chức quản lý dược;** Hệ: Tập trung theo Tín chỉ

TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
001	Phạm Thị Phương Anh	Nữ	26/06/1988	Thanh Hóa	DL-DLS
002	Trần Tuấn Anh	Nam	22/10/1990	Hà Giang	DL-DLS
003	Lê Trí Bách	Nam	25/05/1981	Thanh Hóa	DL-DLS
004	Mùng Thị Bùi	Nữ	09/06/1985	Hà Giang	DL-DLS
005	Lò Văn Chiến	Nam	04/06/1972	Sơn La	DL-DLS
006	Đồng Minh Cừ	Nam	26/03/1984	Bắc Giang	DL-DLS
007	Đỗ Thành Đạt	Nam	27/02/1991	Hà Giang	DL-DLS
008	Lương Tuấn Đạt	Nam	22/12/1990	Hà Giang	DL-DLS
009	Lê Duy Đông	Nam	10/06/1989	Thanh Hóa	DL-DLS
010	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	04/03/1974	Bắc Giang	DL-DLS
011	Dương Thị Mai Dung	Nữ	07/09/1979	Thái Nguyên	DL-DLS
012	Lê Huy Dương	Nam	04/02/1987	Thanh Hóa	DL-DLS
013	Hoàng Đức Dương	Nam	18/05/1987	Hoàng Liên Sơn	DL-DLS
014	Phạm Thị Duyên	Nữ	14/11/1986	Bắc Giang	DL-DLS
015	Đỗ Thị Hương Giang	Nữ	06/12/1987	Thái Nguyên	DL-DLS
016	Phạm Thị Thái Hà	Nữ	07/03/1972	Yên Bái	DL-DLS
017	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	02/10/1988	Bắc Giang	DL-DLS
018	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	09/08/1986	Thái Bình	DL-DLS
019	Dương Thị Thu Hiền	Nữ	14/03/1983	Bắc Giang	DL-DLS
020	Nông Văn Hoành	Nam	17/01/1990	Hà Giang	DL-DLS
021	Nguyễn Văn Hội	Nam	12/08/1987	Vĩnh Phúc	DL-DLS
022	Phạm Thị Phương Hồng	Nữ	23/08/1973	Yên Bái	DL-DLS
023	Hoàng Lan Hương	Nữ	20/10/1986	Thanh Hóa	DL-DLS
024	Nguyễn Thúy Liên	Nữ	07/12/1988	Bắc Giang	DL-DLS
025	Nguyễn Văn Linh	Nam	16/08/1984	Hà Nội	DL-DLS
026	Vũ Thị Lương	Nữ	09/07/1982	Hà Giang	DL-DLS
027	Nguyễn Thị Lý	Nữ	10/06/1988	Bắc Giang	DL-DLS
028	Lê Thị Mai	Nữ	12/10/1984	Hà Giang	DL-DLS
029	Trần Trà Mi	Nữ	30/10/1986	Hà Tĩnh	DL-DLS
030	Nguyễn Thị Nga	Nữ	27/07/1987	Bắc Giang	DL-DLS
031	Ngô Văn Ngọc	Nam	01/06/1981	Thanh Hóa	DL-DLS
032	Hoàng Thị Ninh	Nữ	28/02/1986	Thái Bình	DL-DLS
033	Chu Văn Nhu	Nam	07/05/1966	Bắc Giang	DL-DLS
034	Phạm Thị Phương	Nữ	22/11/1986	Thái Bình	DL-DLS
035	Lương Ngọc Quân	Nam	27/11/1991	Thái Bình	DL-DLS
036	Đinh Thị Ngọc Quyên	Nữ	10/09/1987	Quảng Ninh	DL-DLS
037	Nguyễn Đức Thìn	Nam	15/09/1988	Thái Nguyên	DL-DLS
038	Trịnh Thị Thịnh	Nữ	28/11/1986	Bắc Giang	DL-DLS
039	Vũ Thị Thoan	Nữ	15/03/1988	Thái Bình	DL-DLS
040	Ngô Thị Thu	Nữ	15/06/1985	Thanh Hóa	DL-DLS
041	Mai Hoài Thương	Nam	15/06/1973	Hưng Yên	DL-DLS
042	Nguyễn Thị Toán	Nữ	26/12/1987	Thái Nguyên	DL-DLS
043	Trần Văn Toàn	Nam	22/06/1989	Bắc Giang	DL-DLS
044	Lê Thu Trang	Nữ	08/10/1985	Hà Giang	DL-DLS
045	Lương Hồng Trường	Nam	01/02/1987	Bắc Giang	DL-DLS
046	Đoàn Bá Trường	Nam	14/02/1991	Hà Nam	DL-DLS
047	Nguyễn Tuấn Tú	Nam	12/12/1990	Hà Giang	DL-DLS
048	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	15/05/1987	Hà Nội	DL-DLS
049	Nguyễn Văn Việt	Nam	26/05/1984	Phú Thọ	DL-DLS

050	Nguyễn Thị Xuyên	Nữ	11/10/1987	Bắc Giang	DL-DLS
051	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	08/07/1987	Quảng Ninh	TCQLD
052	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	24/10/1986	Bắc Giang	TCQLD
053	Hoàng Quốc Bảo	Nam	11/06/1978	Hà Giang	TCQLD
054	Trương Văn Cảnh	Nam	10/10/1972	Tây Ninh	TCQLD
055	Nông Kim Cường	Nam	03/10/1973	Yên Bái	TCQLD
056	Trần Ngọc Đại	Nam	28/08/1970	Bắc Giang	TCQLD
057	Lê Quang Dũng	Nam	14/08/1988	Nghệ An	TCQLD
058	Bùi Đức Giang	Nam	23/03/1983	Bắc Giang	TCQLD
059	Hà Trường Giang	Nam	29/05/1971	Ninh Bình	TCQLD
060	Trương Thành Giảng	Nam	05/08/1978	Long An	TCQLD
061	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	22/12/1974	Nam Định	TCQLD
062	Hoàng Thanh Hà	Nam	06/08/1987	Thanh Hóa	TCQLD
063	Lục Thị Thu Hà	Nữ	12/06/1987	Bắc Giang	TCQLD
064	Đào Ngọc Hà	Nữ	29/12/1982	Bắc Kạn	TCQLD
065	Ninh Thị Thu Hà	Nữ	01/11/1981	Yên Bái	TCQLD
066	Võ Văn Hải	Nam	1982	Đồng Tháp	TCQLD
067	Bùi Thúy Hân	Nữ	02/11/1984	Nam Định	TCQLD
068	Hà Thu Hằng	Nữ	02/05/1983	Thanh Hóa	TCQLD
069	Cam Thị Hằng	Nữ	20/12/1986	Hà Giang	TCQLD
070	Phạm Văn Hiền	Nam	10/10/1974	Bến Tre	TCQLD
071	Nguyễn Thanh Hiếu	Nam	03/03/1989	Hòa Bình	TCQLD
072	Hà Thị Hòa	Nữ	18/02/1985	Bắc Kạn	TCQLD
073	Nguyễn Trần Công Huân	Nam	17/02/1985	Lâm Đồng	TCQLD
074	Trần Thị Mai Hương	Nữ	11/02/1986	Quảng Ninh	TCQLD
075	Trần Thị Hương	Nữ	18/06/1982	Bắc Giang	TCQLD
076	Tăng Thị Mai Hương	Nữ	17/03/1976	Thái Nguyên	TCQLD
077	Lã Thị Thu Hương	Nữ	10/08/1985	Thái Nguyên	TCQLD
078	Lưu Thùy Hương	Nữ	01/01/1987	Bắc Kạn	TCQLD
079	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	30/12/1983	Bắc Giang	TCQLD
080	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	27/03/1988	Bắc Giang	TCQLD
081	Nguyễn Thị Lài	Nữ	28/10/1973	Thanh Hóa	TCQLD
082	Nguyễn Thị Tuyết Lan	Nữ	21/07/1972	Hòa Bình	TCQLD
083	Lã Thị Linh	Nữ	06/12/1982	Hà Giang	TCQLD
084	Phan Hữu Lợi	Nam	11/07/1982	Bắc Kạn	TCQLD
085	Dương Thị Kiều Mai	Nữ	30/11/1976	Bắc Giang	TCQLD
086	Phan Thị Nga	Nữ	03/03/1971	Hà Giang	TCQLD
087	Mai Thị Ngà	Nữ	25/12/1971	Tuyên Quang	TCQLD
088	Đoàn Thị Ngân	Nữ	08/01/1981	Bắc Kạn	TCQLD
089	Kim Bích Nguyệt	Nữ	20/10/1990	Hà Giang	TCQLD
090	Trương Văn Phúc	Nam	25/12/1977	Tây Ninh	TCQLD
091	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ	30/11/1975	Thái Nguyên	TCQLD
092	Phạm Xuân Phương	Nam	15/06/1984	Tp. HCM	TCQLD
093	Bùi Xuân Quân	Nam	13/09/1977	Nam Định	TCQLD
094	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	01/12/1984	Bắc Giang	TCQLD
095	Nguyễn Xuân Sơn	Nam	28/09/1988	Bắc Giang	TCQLD
096	Hà Ngọc Sơn	Nam	10/08/1983	Ninh Bình	TCQLD
097	Nguyễn Thành Sơn	Nam	25/12/1981	Yên Bái	TCQLD
098	Phùng Tấn Tài	Nam	1973	Long An	TCQLD
099	Nguyễn Thị Anh Thảo	Nữ	10/09/1973	Đồng Tháp	TCQLD
100	Lê Văn Thế	Nam	22/12/1982	Thanh Hóa	TCQLD
101	Lê Hồng Thủy	Nam	20/10/1970	Hà Tĩnh	TCQLD
102	Nguyễn Thanh Thủy	Nữ	14/06/1987	Bắc Giang	TCQLD
103	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	06/02/1987	Hà Nội	TCQLD
104	Nguyễn Đức Tùng	Nam	03/12/1988	Nghệ An	TCQLD
105	Hoàng Thị Xuân	Nữ	07/01/1985	Bắc Kạn	TCQLD

(Tổng số 105 học viên công nhận tốt nghiệp DSCK cấp I tháng 5/2018)

47